

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
(SAMCO)

Số: 153/BC-SC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG - HỢP NHẤT 6T NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Thông Tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục 1B- Mẫu số 02

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
<b>1. Nợ phải thu khó đòi</b>	110	D (đồng)	22.734.391.732	22.734.391.732
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)	-	3.057.445.338
<b>2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước</b>	120	D (đồng)	904.146.923.120	723.389.869.085
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	897.766.923.120	561.184.479.348
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại	122	D (đồng)	6.380.000.000	162.205.389.737
<b>3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài</b>	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại	132	D (đồng)		
<b>4. Vay và nợ dài hạn trong nước</b>	140	D (đồng)	774.135.270.981	723.591.413.879
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	121.015.361.697	121.089.161.697
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)	653.119.909.284	602.502.252.182
<b>5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài</b>	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
<b>6. Vốn điều lệ</b>	200	D (đồng)	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
a) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ nguồn Ngân sách Nhà nước	210	P (đồng)		
b) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX & PTDN	220	P (đồng)		
c) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX của Công ty mẹ	230	P (đồng)		
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ ĐTP	240	P (đồng)		
đ) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế không phải nộp NSNN	250	P (đồng)		
e) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ việc nhận chuyển giao từ nơi khác	260	P (đồng)		
<b>7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>	300	P (đồng)	117.552.648.819	389.102.367.347
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)	-	-
- Thuế GTGT	311			



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
+ Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	312	P (đồng)	51.021.919.971	118.034.491.925
+ Số thuế GTGT đã nộp trong kỳ	313	P (đồng)		
<b>- Thuế Tiêu thụ đặc biệt</b>	314			
+ Số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ	315	P (đồng)		
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ	316	P (đồng)		
<b>- Thuế TNDN</b>	317			
+ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	318	P (đồng)	51.311.885.070	56.689.894.722
+ Số thuế TNDN đã nộp trong kỳ	319	P (đồng)		
<b>- Các loại thuế khác, thu NSNN khác</b>	320			
+ Số thuế, thu NSNN khác phải nộp trong kỳ	321	P (đồng)	14.801.040.000	11.855.010.000
+ Số thuế, thu NSNN khác đã nộp trong kỳ	322	P (đồng)		
<b>b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK</b>	330	P (đồng)		
<b>- Thuế XNK</b>	331			
+ Số thuế XNK phải nộp trong kỳ	332	P (đồng)		
+ Số thuế XNK đã nộp trong kỳ	333	P (đồng)		
<b>- Thuế GTGT hàng nhập khẩu</b>	334			
+ Số thuế GTGT hàng NK phải nộp trong kỳ	335	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng NK đã nộp trong kỳ	336	P (đồng)		
<b>- Thuế TTĐB hàng nhập khẩu</b>	337			
+ Số thuế TTĐB hàng NK phải nộp trong kỳ	338	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng NK đã nộp trong kỳ	339	P (đồng)		
<b>- Thuế GTGT hàng xuất khẩu</b>	340			
+ Số thuế GTGT hàng XK phải nộp trong kỳ	341	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng XK đã nộp trong kỳ	342	P (đồng)		
<b>- Thuế TTĐB hàng xuất khẩu</b>	343			
+ Số thuế TTĐB hàng XK phải nộp trong kỳ	344	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng XK đã nộp trong kỳ	345	P (đồng)		
<b>c) Lợi nhuận nộp NSNN (theo Nghị định 204)</b>	350			
- Lợi nhuận phải nộp NSNN	351	P (đồng)	417.803.778	202.522.970.700
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)	175.827.338.116	231.274.033.865
<b>8. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau</b>	360	D (đồng)	22.343.391.274	216.971.825.005
<b>9. Doanh thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích</b>	400	P (đồng)		
<b>10. Người quản lý doanh nghiệp</b>	500			
<b>a) Tổng số Người quản lý doanh nghiệp</b>	510	D (người)	79	75
- Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách	511	D (người)	36	32
- Người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách	512	D (người)	43	42
<b>b) Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp</b>	520			
- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch	521	P (đồng)	20.604.520.000	19.453.400.000
- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện	522	P (đồng)	10.302.260.000	18.417.197.000
Thu nhập bình quân của Người quản lý doanh nghiệp	523	P (đồng)	38.233.698	37.571.594
<b>11. Người lao động</b>	600			
<b>a) Tổng số Người lao động</b>	610	D (người)	2.403	2.363
<b>b) Quỹ tiền lương của Người lao động</b>	620			
- Quỹ tiền lương kế hoạch	621	P (đồng)	485.626.490.000	463.424.115.000

	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
	- Quỹ tiền lương thực hiện	622	P (đồng)	242.813.245.000	472.881.750.000
	c) Thu nhập bình quân của Người lao động	623	P (đồng)	16.840.980	16.676.603
	<b>12. Số dư đầu tư vào Công ty chứng khoán</b>	710	D (đồng)		
	a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	711	P (đồng)		
	b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	712	P (đồng)		
	c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	713	P (đồng)		
	<b>13. Số dư đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ</b>	720	D (đồng)		
	a) Phát sinh tăng đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	721	D (đồng)		
	b) Thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	722	P (đồng)		
	c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	723	P (đồng)		
	<b>14. Số dư đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP</b>	730	D (đồng)		
	a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ	731	P (đồng)		
	b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	732	P (đồng)		
	c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, Ngân hàng TMCP trong kỳ	733	P (đồng)		
	<b>15. Số dư đầu tư vào Quỹ đầu tư</b>	740	D (đồng)		
	a) Phát sinh tăng đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	741	P (đồng)		
	b) Thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	742	P (đồng)		
	c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	743	P (đồng)		
	<b>16. Số dư đầu tư vào Công ty bảo hiểm</b>	750	D (đồng)		
	a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	751	P (đồng)		
	b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	752	P (đồng)		
	c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	753	P (đồng)		
	<b>17. Tổng Doanh thu kế hoạch</b>	810	P (đồng)	6.650.000.000.000	5.245.216.000.000
	<b>18. Lợi nhuận kế hoạch trước thuế TNDN</b>	820	P (đồng)	418.200.000.000	309.986.000.000
	<b>19. Thuê và các khoản phải nộp NSNN kế hoạch</b>	830	P (đồng)	424.683.000.000	211.265.000.000
	<b>20. Tổng kim ngạch</b>	1000	P (nghìn USD)		
	a) Kim ngạch xuất khẩu	1110	P (nghìn USD)		
	b) Kim ngạch nhập khẩu	1120	P (nghìn USD)		
	<b>21. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài</b>	1200	D (nghìn USD)		
	a) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu của DN	1210	D (nghìn USD)		
	- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1211	P (nghìn USD)		



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1212	P (nghìn USD)		
b) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước	1220	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1221	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1222	P (nghìn USD)		
c) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài	1230	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1231	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1232	P (nghìn USD)		
<b>22. Tổng số thu hồi vốn đầu tư ra nước ngoài</b>	1300	P (nghìn USD)		
a) Thu hồi vốn đầu tư	1310	P (nghìn USD)		
b) Lợi nhuận, cổ tức	1320	P (nghìn USD)		
c) Lợi nhuận chuyển về nước	1330	P (nghìn USD)		

NGƯỜI LẬP BIỂU

TỔNG GIÁM ĐỐC

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ KH & ĐT
- UBND TP;
- CC TCDN;
- Lưu : VT, TCKT (BH-6b).

Nguyễn Thị Bạch Huệ



TRẦN QUỐC TOÀN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN



*Đồng hành và chia sẻ*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## HỢP NHẤT 6 THÁNG NĂM 2017

**SAMCO**

SAIGON TRANSPORTATION MECHANICAL CORP.



262-264 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN I, TP.HCM  
ĐIỆN THOẠI: 39200408

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.657.514.190.939</b>	<b>2.714.552.737.854</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>900.890.622.292</b>	<b>979.248.530.418</b>
Tiền	111		661.147.889.664	776.804.687.945
Các khoản tương đương tiền	112		239.742.732.628	202.443.842.473
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>171.186.118.392</b>	<b>251.476.010.492</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	171.186.118.392	251.476.010.492
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>678.068.075.083</b>	<b>762.654.985.105</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	423.179.674.374	563.326.227.781
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	204.781.769.192	70.738.319.979
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	69.353.367.777	147.940.074.132
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(22.734.391.732)	(22.734.391.732)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.121.368.838	3.018.468.311
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>857.732.082.256</b>	<b>685.183.938.572</b>
Hàng tồn kho	141		857.732.082.256	685.183.938.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.637.292.916</b>	<b>35.989.273.267</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	8.345.758.292	1.475.232.078
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	9.496.376.183	47.775.377
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	31.795.158.441	34.466.265.812
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.597.707.632.062</b>	<b>3.514.680.282.145</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44.762.203.559</b>	<b>14.633.870.083</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	44.762.203.559	14.633.870.083
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>875.715.798.712</b>	<b>925.768.826.007</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	855.688.615.465	905.857.983.414
Nguyên giá	222		1.978.249.844.697	1.971.042.383.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.122.561.229.232)	(1.065.184.400.234)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	20.027.183.247	19.910.842.593
Nguyên giá	228		33.568.007.886	32.951.707.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.540.824.639)	(13.040.865.293)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.12	<b>8.921.313.979</b>	<b>9.669.802.837</b>
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.567.279.274)	(27.818.790.416)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>462.244.603.661</b>	<b>380.258.101.343</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	462.244.603.661	380.258.101.343
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2.2	<b>2.072.805.141.970</b>	<b>2.054.748.951.818</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.072.805.141.970	2.042.748.951.818
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	12.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>133.258.570.181</b>	<b>129.600.730.057</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	126.766.568.601	123.108.728.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.492.001.580	6.492.001.580
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6.255.221.823.001</b>	<b>6.229.233.019.999</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.689.276.614.220</b>	<b>2.793.922.431.423</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.915.141.343.239</b>	<b>2.070.331.017.544</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	195.215.076.827	283.820.394.205
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	126.274.931.221	85.037.152.046
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	22.343.391.274	216.971.825.005
Phải trả người lao động	314		155.117.522.210	216.735.115.246
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	45.491.420.881	16.739.047.444
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	3.128.502.993
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	150.258.242	3.497.446.521
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	177.835.714.116	236.621.656.177
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	904.146.923.120	723.389.869.085
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.071.518.606	17.527.573.326
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		271.494.586.742	266.862.435.496
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>774.135.270.981</b>	<b>723.591.413.879</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	11.804.699.927	11.804.699.927
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	186.076.248.228	174.892.294.397
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	376.287.025.127	337.038.921.856
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	121.015.361.697	121.089.161.697
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		78.951.936.002	78.766.336.002
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.565.945.208.781</b>	<b>3.435.310.588.576</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.565.945.208.781</b>	<b>3.435.310.588.576</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.731.131.408.022	1.740.891.113.278
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		106.483.500.000	107.293.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	192.918.979.369	226.270.459.398
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	5.21	398.444.812.439	397.459.860.471
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	929.617.454.462	755.285.155.766
LNST chưa phân phối năm trước	421a		707.611.318.710	118.358.737.808
LNST chưa phân phối năm nay	421b		222.006.135.753	636.926.417.958
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		207.349.054.489	208.110.499.663

048  
CÔNG  
CƠ  
TH  
SÀI  
TRÁCH N  
MỘT T  
11-T





**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**


Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>3.073.136.317.314</b>	<b>3.698.068.905.014</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>3.073.136.317.314</b>	<b>3.698.068.905.014</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>2.743.254.596.950</b>	<b>3.287.007.855.992</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>329.881.720.364</b>	<b>411.061.049.022</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	88.429.407.357	74.301.443.936
Chi phí tài chính	22	6.4	21.389.529.714	18.030.539.256
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.634.849.004	18.080.780.408
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		12.143.575.208	43.622.420.327
Chi phí bán hàng	25	6.5	68.731.229.528	73.937.940.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	106.160.453.219	149.611.302.925
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>234.173.490.468</b>	<b>287.405.130.861</b>
Thu nhập khác	31	6.7	37.070.417.626	38.729.946.015
Chi phí khác	32	6.8	3.825.541.645	8.230.742.280
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>33.244.875.981</b>	<b>30.499.203.735</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>267.418.366.449</b>	<b>317.904.334.596</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		45.195.185.470	43.409.773.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>222.223.180.979</b>	<b>274.494.561.273</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		222.006.135.753	252.667.205.444
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		217.045.226	21.827.355.829

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
 Người lập

  
**HUỲNH THỊ HẠNH**  
 Kế toán trưởng



**TRẦN QUỐC TOÀN**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	260.923.406.849	317.904.334.596
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	59.931.682.632	51.927.343.081
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	3.072.034.399
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(59.920.475.269)	-
Chi phí lãi vay	06	19.634.849.004	18.080.780.408
Các khoản điều chỉnh khác	07	354.863.010	15.117.337.131
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>280.924.326.226</b>	<b>406.101.829.615</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	49.341.062.298	132.612.307.687
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(172.548.143.684)	8.012.495.390
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(408.356.165.552)	35.764.324.198
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(10.528.366.338)	(17.069.159.810)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.410.061.227)	(29.003.208.764)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.768.981.666)	(50.107.919.510)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.633.894.546	636.099.888.037
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(13.514.001.767)	(1.080.800.406.257)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(314.226.437.164)</b>	<b>41.610.150.586</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.010.009.621)	(7.771.260.546)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.061.913.062	2.932.850
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(133.255.086.300)	(135.142.182.048)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	190.038.143.772	108.681.465.272
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.777.689.190)	(1.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	24.489.777.687	48.573.265.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.392.926.181	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>65.939.995.591</b>	<b>12.744.220.528</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	304.694.375.090
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(11.700.195.587)	(22.626.498.193)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.349.636.974.040	2.230.990.111.069
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.159.953.720.006)	(2.249.930.887.060)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.054.525.000)	(55.100.321.075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>169.928.533.447</b>	<b>208.026.779.831</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(78.357.908.126)</b>	<b>262.381.150.945</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>979.248.530.418</b>	<b>736.405.735.312</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Điều chỉnh ảnh hưởng số dư đầu năm		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>900.890.622.292</b>	<b>998.786.886.257</b>

NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ  
Người lập

HUYNH THỊ HẠNH  
Ks  
Kê toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**

**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Trong 06 tháng đầu năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Tập đoàn**

Công ty mẹ có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	86,51%	86,51%	86,51%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP.HCM	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>Công ty liên doanh</b>					
<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

**Công ty liên kết**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được thay đổi tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn ngày 10/09/2016)	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. HCM	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP.HCM	Xây dựng cầu đường	48,34%	48,34%	48,34%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP.HCM	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng	40,00%	40,00%	40,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
		ô tô các loại			
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. HCM	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP.HCM	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. HCM	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Số 9 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	7-9-11 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	24,99%	24,99%	12,74%
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ P. Nguyễn Thái Bình Q.1	Vận tải hàng hóa đường bộ	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P.Thọ Quang	Vận tải hàng hóa đường bộ	56,44%	56,44%	56,44%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển	45,15%	45,15%	45,15%

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã

17-  
T  
CH  
GV  
GO  
HEM  
THANH  
P



## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN

### TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

### Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tổng Công ty giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và

## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

### TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc (thu hồi hoặc đáo hạn) không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

### TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Trước năm 2015	Từ năm 2015 trở về sau
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	25	05 – 25
Máy móc thiết bị	04 – 25	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 10	04 – 07

#### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

**Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm kể từ năm 2015 trở đi.

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

**4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

**4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**



## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

### TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Quý phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quý và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quý thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quý của các năm sau.

#### 4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

#### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

#### 4.15 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

#### 4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

### TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

### Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu hoạt động tài chính

### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của các công ty Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**4.19 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.20 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Cảng Phú Định	TP.HCM	Công ty Liên kết (được chuyển tên từ Công ty TNHH MTV Cảng Sông TP.HCM từ ngày 06/03/2015)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết (được chuyển tên từ Công ty TNHH MTV Đóng Tàu An Phú ngày 12/03/2015)
Công ty CP Hoà Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	TP.HCM	Công ty Liên kết

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ	200.500.738.295	9.662.676.295
Tiền gửi ngân hàng	511.871.629.051	767.142.011.650
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	188.518.254.946	202.443.842.473
	<u>900.890.622.292</u>	<u>979.248.530.418</u>

**5.2 Các khoản đầu tư****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (a)	2.072.805.141.970	2.042.748.951.818
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)		12.000.000.000
	<u>2.072.805.141.970</u>	<u>2.054.748.951.818</u>

**(a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Cảng Phú Định	160.142.615.724	181.812.453.243
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	26.309.497.709	26.309.497.709
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	126.367.659.023	84.532.168.575
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	256.098.692.640	256.098.692.640
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	775.262.211.170	775.262.211.170
Công ty TNHH Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	42.623.912.825	41.306.503.287
Công ty CP Hòa Phú	50.002.257.183	50.002.257.183
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	-
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	19.081.209.098	15.432.765.597
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	-
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	133.364.797.264	133.364.797.264
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	31.767.447.777
Công ty LD giao nhận kho vận Bình Minh	45.164.866.580	42.739.443.732
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten Nơ ERRIA		6.261.274.672
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	663.508.609	630.839.418
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu	77.313.041.298	77.313.041.298
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	295.214.343.899	295.214.343.899
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	13.676.941.319	16.741.131.866
Công ty CP Ô tô An Thái	9.160.082.489	7.960.082.488
Công ty CP Dịch Vụ Ô Tô Hàng Xanh	-	-
	<u>2.072.805.141.970</u>	<u>2.042.748.951.818</u>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế từ Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	3.155.133.541	1.805.137.950
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	9.720.416.826	6.212.693.352
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	1.138.500	627.482.207
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	108.604.064	204.947.329
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	3.233.816.818	1.098.243.838
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	-	160.919.707
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định	41.747.196.960	125.602.546.960
Các khách hàng khác		427.614.256.438
	<u>365.213.367.665</u>	
	<b><u>423.179.674.374</u></b>	<b><u>563.326.227.781</u></b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	10.892.900.000	5.183.789.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty CP Kỹ Nghệ và Hạ Tầng Telin		21.353.303.664
Các nhà cung cấp khác	181.888.869.192	32.201.227.315
	<u>204.781.769.192</u>	<u>70.738.319.979</u>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	<u>366.286.634</u>	<u>366.286.634</u>

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.6.1**

<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<u>69.353.367.777</u>	-	<u>147.940.074.132</u>	-

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Dĩ An	41.885.193.419	-	10.000.000.000	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 9	507.507.000	-	1.856.875.000	-
Phải thu khác	529.000.000	-	1.974.540.083	-
Ký quỹ tại ngân hàng	-	-	-	-
Ký quỹ khác	1.840.503.140	-	802.455.000	-
	<b>44.762.203.559</b>	<b>-</b>	<b>14.633.870.083</b>	<b>-</b>
<b>5.7 Dự phòng nợ phải thu</b>	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	VND		VND	
<b>Dự phòng nợ phải thu</b>	<b>22.734.391.732</b>	<b>-</b>	<b>22.734.391.732</b>	<b>-</b>
<b>5.8 Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường		-	327.972.724	-
Nguyên liệu, vật liệu	310,390,939,335	-	260.262.267.948	-
Công cụ dụng cụ	1,047,141,006	-	1.558.751.671	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179,063,970,942	-	147.189.107.556	-
Thành phẩm	239,754,069,986	-	172.615.580.532	-
Hàng hóa	127,318,510,987	-	99.137.221.870	-
Hàng gửi đi bán	157,450,000	-	4.093.036.271	-
	<b>857.732.082.256</b>	<b>-</b>	<b>685.183.938.572</b>	<b>-</b>
<b>5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn</b>				
<b>5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	
		VND	VND	
Công cụ dụng cụ			54.079.545	
Chi phí sửa chữa			697.186.547	
Chi phí khác		8.345.758.292	723.965.986	
		<b>8.345.758.292</b>	<b>1.475.232.078</b>	
<b>5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	
		VND	VND	
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>126.766.568.601</b>	<b>123.108.728.477</b>	



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.11	Tài sản cố định vô hình	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Lợi thế thương mại VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2017	10.893.323.353	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	32.951.707.886	
Tăng trong năm	415.300.000			201.000.000	616.300.000	
Giảm do thanh lý					0	
Giảm khác					0	
Tại ngày 30/06/2017	11.308.623.353	11.192.092.000	1.425.873.503	9.641.419.030	33.568.007.886	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2017	8.555.063.265	877.402.000	1.425.873.503	2.182.526.525	13.040.865.293	
Khấu hao trong năm	385.015.804			114.943.542	499.959.346	
Giảm do thanh lý					0	
Giảm khác						
Tại ngày 30/06/2017	8.940.079.069	877.402.000	1.425.873.503	2.297.470.067	13.540.824.639	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	2.338.260.088	10.314.690.000	-	7.257.892.505	19.910.842.593	
Tại ngày 30/06/2017	2.368.544.284	10.314.690.000	-	7.343.948.963	20.027.183.247	

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>5.12 Bất động sản đầu tư</b>	<b>Nhà kho, bến bãi VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2017	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 30/06/2017	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				0
Tại ngày 01/01/2017	<b>8.366.079.298</b>	4.350.385.150	15.102.325.968	27.818.790.416
Khấu hao trong năm	91.860.000	559.287.870	97.340.988	748.488.858
Tại ngày 30/06/2017	8.457.939.298	4.909.673.020	15.199.666.956	28.567.279.274
<b>Giá trị còn lại</b>				0
Tại ngày 01/01/2017	<b>2.159.658.613</b>	4.642.318.850	2.867.825.374	9.669.802.837
Tại ngày 30/06/2017	2.067.798.613	4.083.030.980	2.770.484.386	8.921.313.979
 <b>5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
Công Trình xây dựng Bến xe Miền Đông mới			328.298.881.080	315.731.296.095
Các công trình khác			133.945.722.581	64.526.805.248
			<b>462.244.603.661</b>	<b>380.258.101.343</b>
 <b>5.14 Phải trả người bán ngắn hạn</b>			<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn				599.910.000
Công ty CP Hòa Phú				6.953.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			368.503.436	138.773.531
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam			21.981.187.778	32.498.534.690
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco			174.664.022	381.574.815
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2			4.877.272.726	4.974.545.456
Công ty CP Công trình Giao Thông Quận 8				37.737.200
<b>Các tổ chức khác</b>			167.813.448.865	245.182.365.513
			<b>195.215.076.827</b>	<b>283.820.394.205</b>
 <b>5.15 Người mua trả tiền trước</b>			<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
Công ty CP bất động sản Tiên Phước				30.143.773.930
Các khách hàng khác			126.274.931.221	54.893.378.116
			<b>126.274.931.221</b>	<b>85.037.152.046</b>
 <b>5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>			<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
			<b>22.343.391.274</b>	<b>216.971.825.005</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn**

**5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình xây dựng	3.749.668.903	14.866.629.617
Chi phí khác	41.741.751.977	1.872.417.827
	<u>45.491.420.881</u>	<u>16.739.047.444</u>

**5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê đất	<u>11.804.699.927</u>	<u>11.804.699.927</u>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn**

**5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Cung cấp hàng hóa		2.718.181.818
Doanh thu chưa thực hiện khác	150.258.242	779.264.703
	<u>150.258.242</u>	<u>3.497.446.521</u>

**5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các nhà cung cấp, dịch vụ	<u>186.076.248.228</u>	<u>174.892.294.397</u>

**5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả khác	177.835.714.116	236.621.656.177
	<u>177.835.714.116</u>	<u>236.621.656.177</u>

**5.19.2 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nhận ký quỹ dài hạn		3.737.276.197
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	355.213.716.360	323.900.550.239
Phải trả khác	21.073.308.767	9.401.095.420
	<u>376.287.025.127</u>	<u>337.038.921.856</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng	897.766.923.120	561.184.479.348
Các đơn vị thành viên		131.270.510.085
Kỳ phiếu nội bộ	6.380.000.000	5.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		25.784.879.652
	<b>904.146.923.120</b>	<b>723.389.869.085</b>

**5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay dài ngân hàng		
Ngân hàng	121.015.361.697	96.371.698.689
Các đơn vị thành viên		50.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả		(25.784.879.652)
	<b>121.015.361.697</b>	<b>121.089.161.697</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu**

	6 tháng 2017 VND	6 tháng 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	33.714.377.888	88.871.804.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	280.314.071.995	556.713.560.232
Doanh thu bán xe ô tô	1.617.093.527.979	1.418.418.373.322
Doanh thu bán phụ tùng	16.507.643.516	13.870.682.510
Doanh thu xe khách	570.200.660.732	1.067.413.136.383
Doanh thu xe chuyên dùng	87.746.975.471	93.015.000.000
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	141.524.549.079	122.348.268.551
Doanh thu cho thuê văn phòng	32.456.082.064	29.971.688.455
Doanh thu giữ xe	6.160.898.193	4.568.203.268
Doanh thu hợp đồng xây dựng	113.364.183.607	220.765.273.991
Doanh thu phụ kiện	6.856.914.660	1.709.117.359
Doanh thu khai thác tàu sông	1.425.391.818	1.468.859.999
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.683.526.986	1.441.789.037
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	79.133.105.963	36.417.764.219
Doanh thu kho vận	12.787.740.089	11.876.829.513
Doanh thu hoạt động vận tải		5.658.163.638
Doanh thu trạm nhiên liệu		14.516.718.494
Doanh thu khai thác mặt bằng	30.832.428.151	3.332.131.810
Doanh thu khác	41.334.239.123	5.691.539.691
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.073.136.317.314</b>	<b>3.698.068.905.014</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng 2017</b> VND	<b>6 tháng 2016</b> VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.605.317.935.091	1.430.730.012.164
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	613.746.908.952	1.056.925.491.562
Giá vốn nội bộ		324.531
Giá vốn cung cấp dịch vụ	346.257.433.240	509.127.899.388
Giá vốn xây dựng	107.623.402.883	209.632.891.670
Giá vốn bất động sản		122.727.273
Giá vốn khai thác tàu sông	1.785.993.527	1.589.638.384
Giá vốn dịch vụ hàng hải	1.165.456.211	706.920.595
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	18.906.854.546	19.661.814.268
Giá vốn dịch vụ kho vận	7.364.923.050	7.191.904.583
Giá vốn cho thuê văn phòng	350.749.419	357.461.545
Giá vốn khác	40.734.940.031	50.960.770.029
	<b>2.743.254.596.950</b>	<b>3.287.007.855.992</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng 2017</b> VND	<b>6 tháng 2016</b> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	13.672.874.403	11.826.987.067
Thu từ các khoản đầu tư	12.143.575.208	56.325.763.500
Doanh thu kinh doanh chứng khoán		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.904.647.866	3.892.449.088
Lãi tỷ giá hối đoái	91.920.751	488.832.847
Thu nhập tài chính khác	54.406.032	578.630.515
Lãi từ việc bán cổ phiếu	27.194.172.313	600.000.000
Doanh thu khác	23.367.810.784	588.780.919
	<b>88.429.407.357</b>	<b>74.301.443.936</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng 2017</b> VND	<b>6 tháng 2016</b> VND
Chi phí lãi vay	19.511.401.087	18.080.780.408
Phí ủy thác		
Lỗ tỷ giá hối đoái	1.508.038.397	311.187.118
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
Phí tư vấn, tổ chức bán đấu giá cổ phiếu		120.730.000
Chi phí tài chính khác	500.161.305	537.105.552
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(130.071.075)	(1.019.263.822)
	<b>21.389.529.714</b>	<b>18.030.539.256</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	<b>6 tháng 2017</b> VND	<b>6 tháng 2016</b> VND
Chi phí nhân viên	10.997.268.935	15.061.495.494
Chi phí khuyến mãi, quà tặng cho mục đích bán hàng	9.100.047.402	8.623.740.615


**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**


Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Thuê văn phòng, MB, nhà xưởng	8.182.978.644	5.827.435.956
	Chi phí bán hàng khác	40.450.934.547	44.425.268.178
		<b>68.731.229.528</b>	<b>73.937.940.243</b>
<b>6.6</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6 tháng 2017</b>	<b>6 tháng 2016</b>
		VND	VND
	Chi phí nhân viên, BHXH, BHYT	42.955.619.455	58.230.765.626
	Chi phí vật liệu	18.897.495	36.453.877
	Chi phí đồ dùng văn phòng	199.334.330	2.162.189.482
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.149.434	7.515.619.403
	Thuế, phí và lệ phí	59.524.319	1.874.825.321
	Trích quỹ khoa học công nghệ	200.000.000	7.200.000.000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.345.304.479	5.094.505.974
	Chi phí bằng tiền khác	59.839.623.707	67.496.943.242
		<b>106.160.453.219</b>	<b>149.611.302.925</b>
<b>6.7</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>6 tháng 2017</b>	<b>6 tháng 2016</b>
		VND	VND
	Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	275.475.000	7.202.684
	Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.636.387.273	5.564.746.387
	Thu nhập từ thù lao	1.337.506.776	1.900.561.685
	Thu từ cho thuê mặt bằng	13.863.637	6.173.733.131
	Thu bồi thường hoa màu trên đất		512.181.818
	Thu nhập từ quảng cáo		456.250.000
	Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp khác	1.113.299.958	961.129.147
	Tiền thu từ hỗ trợ		801.400.000
	Thu nhập khác	30.693.884.982	22.352.741.163
		<b>37.070.417.626</b>	<b>38.729.946.015</b>
<b>6.8</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>6 tháng 2017</b>	<b>6 tháng 2016</b>
		VND	VND
	Chi phí về nhượng bán, thanh lý tài sản	1.726.701.194	4.031.391.720
	Phạt vi phạm hành chính		388.743.167
	Chi phí thù lao	1.215.856.648	738.922.880
	Chi phí khấu hao cho thuê mặt bằng		(137.609.586)
	Chi phí khác	882.983.803	3.209.294.099
		<b>3.825.541.645</b>	<b>8.230.742.280</b>

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
Người lập

  
**HUỲNH THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



  
**TRẦN QUỐC TOÀN**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017